UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ……

Biểu số 06

BIỂU TỔNG HỢP NHU CẦU BỔ SUNG KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số: /STC-QLNS ngày /7/2023 của Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chính sách, chế độ	Số đối tượng	Tổng nhu cầu kinh phí	Dự toán đã giao năm 2023	Kinh phí còn dư/còn thiếu		Sử dụng từ nguồn còn dư tại đơn vị	Số kinh phí bổ sung	Dự toán 2024		Ghi chú
					Kinh phí còn dư	Kinh phí còn thiếu			Số đối tượng	Tổng nhu cầu kinh phí	
A	B	1	2	3	4=cột (3-2) nếu >0	5=cột (2-3) nếu >0	6	7= cột (5)	9	10	1
	Tổng cộng										
A	**CHÍNH SÁCH DO TRUNG ƯƠNG BAN HÀNH**										
I	**Lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo**										
1	Chính sách về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP										
2	Chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP										
3	Chính sách hỗ trợ giáo dục đối với người khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC										
4	Chính sách hỗ trợ cho học sinh bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP										
5	Chính sách hỗ trợ học tập cho trẻ em, học sinh, sinh viên dân tộc rất ít người theo NĐ số 57/2017/NĐ-CP										
II	**Lĩnh vực đảm bảo và an sinh xã hội**										
1	Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, luật người cao tuổi, luật người khuyết tật; Kinh phí mai táng phí; Kinh phí cấp thẻ BHYT cho các đối tượng BTXH, người có Công với cách mạng										
	Trong đó:										
1.1	Chính sách bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP, luật người cao tuổi, luật người khuyết tật										
1.2	Kinh phí bảo hiểm cho đối tượng bảo trợ xã hội										
1.3	Kinh phí bảo hiểm cho người có công										
1.4	Kinh phí mai táng phí										

2	Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội theo Quyết định số 28/QĐ-TTg										
III	**Các chế độ, chính sách khác**										
1	Chính sách hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP										
B	**CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH**										
I	**Lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo**										
1	Kinh phí nấu ăn theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (bao gồm: Kinh phí nấu ăn theo Nghị định 116/2019/NĐ-CP và Nghị định 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ)										
2	Chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh ở bán trú tại các xã, thôn, bản khu vực III chuyển thành các xã, thôn, bản khu vực I theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định của Ủy ban dân tộc giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh										
3	Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh										
4	Chính sách thực hiện hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã khu vực II thuộc huyện nghèo 30a và các xã thoát khỏi xã ĐBKK theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh										
II	**Các chế độ, chính sách khác**										
1	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ										
2	Kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh										
3	Chính sách hỗ trợ đảng viên được tặng 40 năm tuổi đảng theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND tỉnh										